

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ LỘC
THÀNH PHỐ HUẾ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2025/HS-ST

Ngày 07-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC, THÀNH PHỐ HUẾ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Xuân Hương và bà Nguyễn Vũ Như Quỳnh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Như Ngọc, Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc tham gia phiên tòa:**
Ông Trần Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn H** (tên gọi khác: Anh), giới tính: Nam, sinh ngày 02/5/1975, tại tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H); nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện P, thành phố H; Số CCCD: Chưa được cấp; mã số định danh cá nhân: 046075009876; nghề nghiệp: Phụ thợ nề; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; con ông Nguyễn D (đã chết) và con bà Lê Thị V (đã chết); gia đình có 09 (chín) anh chị em, bị cáo là con thứ 7; vợ không xác định rõ tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn; có 01 con là Nguyễn Tá B, sinh năm 2006, sống với mẹ.

Quá trình nhân thân: Lúc nhỏ sống với bố mẹ, học văn hoá đến lớp 7/12 thì nghỉ học, sinh sống tại địa phương.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/12/2024 cho đến nay. Có mặt.

- **Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn L, huyện P, thành phố H. Có mặt.

2. Anh Nguyễn T, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Thôn A, xã L, huyện P, thành phố H. Có mặt.

3. Ông Lê L, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Thôn S, xã L, huyện P, thành phố H. Có mặt.

4. Anh Lê O, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn Q, xã L, huyện P, thành phố H. Có mặt.

5. Anh Tôn Thất C, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ dân Phố L, thị trấn L, huyện P, thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Tổ dân phố V, thị trấn L, huyện P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Huỳnh Hoàn H1, sinh năm 1973. Số C N, phường H, quận P, thành phố H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Hành vi “Trộm cắp tài sản”:

Do không có việc làm ổn định nên Nguyễn H thường đi lang thang, tìm sự sỗ hởi của người dân trong việc quản lý tài sản, rồi lén lút chiếm đoạt bán tiêu xài cá nhân. Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 10/10/2024, Nguyễn H đi bộ trên đường T, xã L (nay là tổ dân phố V, thị trấn L), huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) thì phát hiện có chiếc xe mô tô biển số 75K1-129.19 của chị Nguyễn Thị M (sinh năm 1978; trú tại tổ dân phố V, thị trấn L, huyện P) đang dựng bên đường, trên xe cắm sẵn chìa khóa. Hội quan sát xung quanh thấy không có người trông coi nên đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô này, rồi điều khiển đi vào thành phố Đà Nẵng. Sau đó, do Hội muốn giữ lại chiếc xe này để làm phương tiện đi lại nên đã cắt dán xe mô tô biển số 75K1-129.19 đổi thành biển số 29K1-175.19 để che giấu hành vi phạm tội của mình. Khoảng 23 giờ 40 phút ngày 06/12/2024, khi H đang điều khiển xe mô tô biển số giả 29K1-175.19 đi đến trước số nhà A, đường N, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng thì bị Công an phường T tuần tra, phát hiện tạm giữ phương tiện. Tại Cơ quan Công an, Hội đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐG ngày 09/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P đã kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75K1-129.19, nhãn hiệu Y (mua vào tháng 7 năm 2013 với giá 31.000.000 đồng), giá trị còn lại của chiếc xe này vào tháng 10 năm 2024 là 6.200.000 đồng (Sáu triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngoài lần phạm tội nêu trên, Nguyễn H còn thực hiện thêm 02 (hai) lần trộm cắp tài sản khác của người dân tại xã L và L, huyện P, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào tháng 6/2024 (không xác định rõ ngày cụ thể), Nguyễn H đi bộ trên đường T, xã L, huyện P thì phát hiện có chiếc xe mô tô biển số 75K9-5238 của anh Nguyễn T (sinh năm 1975) đang dựng ở sân nhà, trên xe đã

cắm sẵn chìa khóa, không có người trong coi. Hội lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô này, rồi điều khiển đi vào thành phố Đà Nẵng. Sau đó, H đưa đến một tiệm sửa xe bán cho một người đàn ông ở đường T (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 1.400.000 đồng. Hội đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P đã kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75K9-5238, nhãn hiệu Yamaha Jupiter (đăng ký tháng 02 năm 2010), giá trị còn lại của chiếc xe này vào tháng 6 năm 2024 là 3.150.000 đồng (*Ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*).

- *Lần thứ hai*: Vào chiều tối một ngày (không xác định rõ ngày cụ thể) trong tháng 7/2024, Nguyễn H đi bộ trên đường T, xã L, huyện P thì phát hiện có chiếc xe mô tô biển số 53Y7-3672 của ông Lê L (sinh năm 1963) đang dựng ở sân nhà, trên xe cắm sẵn chìa khóa, không có người trong coi. Hội lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô này, rồi điều khiển đi vào thành phố Đà Nẵng. Sau đó, H đưa đến một tiệm sửa xe bán cho một người đàn ông ở đường N (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 500.000 đồng. Hội đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P đã kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 53Y7-3672, nhãn hiệu Honda Wave (đăng ký tháng 5 năm 2001, mua lại vào tháng 12 năm 2020), giá trị còn lại của chiếc xe này vào tháng 7 năm 2024 là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

2. Hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Với ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, nên Nguyễn H tìm gặp những người có quen biết, đưa ra thông tin gian dối, giả vờ hỏi mượn xe mô tô để đi mua mồi nhậu làm người bị hại tin tưởng giao xe mô tô rồi Hội chiếm đoạt, bán tiêu xài cá nhân. Với thủ đoạn này, Nguyễn H đã có 02 (hai) lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân tại xã L và thị trấn L, huyện P, cụ thể như sau:

- *Lần thứ nhất*: Vào chiều một ngày (không xác định rõ ngày cụ thể) trong tháng 02/2024, Nguyễn H đi đến nhà của ông Huỳnh G (sinh năm 1966) ở thôn L, xã L, huyện P nhưng không có ông G ở nhà. Tại đây, H gặp anh Lê O (sinh năm 1970) rồi đưa ra thông tin gian dối, giả vờ mượn chiếc xe mô tô biển số 75F1-100.57 của anh O để đi mua mồi về nhậu. Vì tin tưởng là thật, nên anh O đã giao chiếc xe mô tô này cho Hội. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, H điều khiển xe mô tô vào thành phố Đà Nẵng, đưa đến một tiệm sửa xe bán cho một người đàn ông ở đường T (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 2.300.000 đồng. Hội đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P đã kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75F1-100.57, nhãn hiệu Y1 (đăng ký năm 2012), giá trị còn lại của chiếc xe này vào tháng 02 năm 2024 là 2.325.000 đồng (*Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- *Lần thứ hai*: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 26/4/2024, Nguyễn H đi đến nhà của anh Tôn Thất C (sinh năm 1971) ở thôn L, xã L (nay là tổ dân phố L, thị trấn L), huyện P để chơi. Sau đó, Hội đưa ra thông tin gian dối, giả vờ mượn chiếc xe mô tô biển số 75T1-5476 của anh C để đi mua mồi về nhậu. Vì tin tưởng là thật, nên anh C đã giao chiếc xe mô tô này cho Hội. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, H điều khiển xe mô tô vào thành phố Đà Nẵng, đưa đến một tiệm sửa xe bán cho một người đàn ông ở đường A (không nhớ rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) với số tiền 1.000.000 đồng. Hội đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

* *Tại Bản kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐG ngày 07/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P đã kết luận*: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75T1-5476, nhãn hiệu Yamaha Jupiter (đăng ký năm 2009), giá trị còn lại của chiếc xe này vào tháng 4 năm 2024 là 3.900.000 đồng.

* *Vật chứng thu giữ*: 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75K1-129.19, nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ đen.

Đối với các chiếc xe mô tô biển số 75K9-5238, xe mô tô biển số 53Y7-3672, xe mô tô biển số 75F1-100.57 và xe mô tô biển số 75T1-5476; quá trình điều tra xác định: Sau khi chiếm đoạt các xe mô tô này, Hội đã đem bán cho các tiệm sửa xe (không rõ địa chỉ cụ thể) ở thành phố Đà Nẵng, nên không thu hồi được.

* *Về xử lý vật chứng*: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại: 01 (một) xe mô tô biển số 75K1-129.19 cho chủ sở hữu.

* *Về trách nhiệm dân sự*: Anh Nguyễn T (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 75K9-5238) yêu cầu bị cáo Nguyễn H phải bồi thường dân sự với số tiền 3.150.000 đồng; ông Lê L (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 53Y-3672) yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền 4.500.000 đồng; anh Lê O (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 75F1-100.57) yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền 2.325.000 đồng; anh Tôn Thất C (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 75T1-5476) yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền 3.900.000 đồng. Đối với chị Nguyễn Thị M (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 75K1-129.19) đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-VKSPL ngày 31/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc đã truy tố bị cáo Nguyễn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, ông Lê L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự số tiền 4.500.000 đồng; ông Tôn Thất C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền 3.900.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo chưa bồi thường cho các bị hại là 5.475.000 đồng.

Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự để tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xử phạt từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự để tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đề nghị xử phạt từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt chung của 02 tội là: Từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm 03 tháng.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, ông Lê L không bị cáo H phải bồi thường dân sự số tiền 4.500.000 đồng; ông Tôn Thất C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền 3.900.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của các bị hại.

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn H bồi thường cho ông Nguyễn T (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 75K9-5238) số tiền 3.150.000 đồng; bồi thường cho anh Lê O (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô 75F1-100.57) số tiền 2.325.000 đồng; Tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn H chưa bồi thường cho người bị hại là 5.475.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Nguyễn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố; nhận thấy hành vi này là vi phạm pháp luật; tỏ ra ăn năn, hối hận về hành vi đã gây ra. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa sai lầm, trở về đoàn tụ gia đình, làm công dân tốt cho xã hội.

Những người bị hại có mặt tại phiên tòa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định hình phạt cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo Nguyễn H đã khai nhận toàn bộ hành vi Trộm cắp tài sản và hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào tháng 6, tháng 7/2024 (không xác định rõ ngày cụ thể) và ngày 10/10/2024, tại địa bàn các xã L, xã L và thị trấn L, huyện P, thành phố H. Nguyễn H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75K9-5238 của anh Nguyễn T, trị giá 3.150.000 đồng; 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 53Y7-3672 của ông Lê L, trị giá 4.500.000 đồng và 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75K1-129.19 của chị Nguyễn Thị M, trị giá 6.200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H đã chiếm đoạt của những người trên là 13.850.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trước đó, trong tháng 2/2024 (không xác định rõ ngày cụ thể) và ngày 26/4/2024, tại địa bàn xã L và thị trấn L, huyện P, thành phố H. Nguyễn H đã lợi dụng sự quen biết, đưa ra thông tin gian dối để những người bị hại tin tưởng giao tài sản rồi chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75F1-100.57 của anh Lê O, trị giá 2.325.000 đồng và 01 (một) chiếc xe mô tô biển số 75T1-5476 của anh Tôn Thất C, trị giá 3.900.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà H đã chiếm đoạt của những người trên là 6.225.000 đồng (*Sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Do đó, Nguyễn H phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi của mình.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn H đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc đã truy tố theo tội danh và điều khoản nêu trên đối với Nguyễn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn H thấy rằng: Bị cáo Nguyễn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản và hành vi dùng thủ đoạn gian dối để người quen biết tin tưởng giao tài sản rồi chiếm đoạt là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nghiêm khắc. Tuy nhiên, bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhưng không phải lao động chân chính, dẫn đến việc phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an tại địa phương.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, thấy rằng:

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với cả hành vi trộm cắp tài sản và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về nhân thân: Theo kết quả tra cứu của Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an thành phố H thì Nguyễn H không có tiền án, tiền sự trong tàng thư lưu trữ. Tuy nhiên, trong hồ sơ tại biên bản ghi lời khai của Công an phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng đối với Nguyễn H, Nguyễn H khai là trước đây (khoảng thời gian

năm 1990 đến 1992) có chấp hành án phạt tù tại thành phố Hồ Chí Minh về hành vi Cố ý gây thương tích. Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/12/2024 (Bút lục số 147, 149) bị cáo khai là bị cáo có đi cơ sở giáo dục về hành vi cố ý gây thương tích nhưng bị cáo không nhớ rõ thời gian nào, ở đâu. Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ giải quyết vụ án, Toà án nhân dân huyện Phú Lộc đã có công văn yêu cầu Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc bổ sung tài liệu, chứng cứ và xác minh làm rõ về đặc điểm nhân thân, tiền án, tiền sự của Nguyễn H. Đến ngày 21/4/2025 Toà án nhận được Công văn trả lời của Phòng Hồ sơ nghiệp vụ, Công an thành phố H khẳng định lại Nguyễn H không có tiền án, tiền sự qua tra cứu trong tàng thư. Tại phiên toà, bị cáo cũng khai nhận do bị cáo bị hoảng loạn tinh thần nên đã khai không đúng, bị cáo khẳng định là bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, Toà án căn cứ vào hồ sơ vụ án, ghi nhận nhân thân của Nguyễn H là không có tiền án, tiền sự.

Xét thấy, trong thời gian ngắn từ tháng 02/2024 đến tháng 10/2024 bị cáo Nguyễn H liên tiếp thực hiện 03 vụ “Trộm cắp tài sản” và 02 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thể hiện sự liều lĩnh, bất chấp coi thường pháp luật.

Do đó, cần phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên toà, ông Lê L không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường dân sự số tiền 4.500.000 đồng; ông Tôn Thất C không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự với số tiền 3.900.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện này của các bị hại.

Bị cáo Nguyễn H chưa bồi thường dân sự cho ông Nguyễn T (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 75K9-5238) số tiền 3.150.000 đồng; chưa bồi thường dân sự cho anh Lê O (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 75F1-100.57) số tiền 2.325.000 đồng; tổng số tiền mà bị cáo Nguyễn H chưa bồi thường cho các bị hại là 5.475.000 đồng. Do đó cần buộc bị cáo bồi thường tiếp số tiền 5.475.000 đồng như đề nghị của những người bị hại và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc là có cơ sở.

Đối với chị Nguyễn Thị M (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 75K1-129.19) đã nhận lại xe mô tô nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự.

[7]. Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã xử lý vật chứng trả lại: 01 (một) xe mô tô biển số 75K1-129.19 cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị M. Tại phiên toà, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn H phạm tội “Trộm cắp tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn H 02 (H2) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn H 01(Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự:

Tổng hợp hình phạt: 02 năm tù của tội “Trộm cắp tài sản” và 01 năm 06 tháng tù của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, buộc bị cáo Nguyễn H phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là: 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 19/12/2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn H bồi thường cho ông Nguyễn T (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 75K9-5238) số tiền 3.150.000 đồng; bồi thường cho anh Lê O (chủ sở hữu hợp pháp xe mô tô biển kiểm soát 75F1-100.57) số tiền 2.325.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Nguyễn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn H phải chịu 300.000 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bản án này là sơ thẩm, Bị cáo và bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo, được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Huế;
- VKSND TP Huế;
- CQCSĐT CA TP Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Phòng PV06 CA TP Huế;
- Sở Tư pháp TP Huế;
- Phân trại tạm giam khu vực Phú Lộc;
- Phòng PC11;
- Trại tạm giam CA TP Huế;
- Chi Cục THADS huyện Phú Lộc;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền